Chi tiết mã HS 2931

Mã HS	2931
Mô tả hàng hóa	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác
Đơn vị	
Thời điểm tạo	02/11/2026 15:13:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/2931/

24 dòng thuế thuộc 2931

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2931.10.10	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Chì tetrametyl và chì tetraetyl: / - - Chì tetrametyl	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.10.20	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Chì tetrametyl và chì tetraetyl: / - - Chì tetraetyl	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.20.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Hợp chất tributyltin	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.41.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Dimethyl methylphosphonate	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.42.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Dimethyl propylphosphonate	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.43.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Diethyl ethylphosphonate	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.44.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Axit methylphosphonic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.45.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Muối của axit methylphosphonic và (aminoiminomethyl)urea (1: 1)	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2931.46.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - 2,4,6-Tripropyl-1,3,5,2,4,6-trioxatriphosphinane 2,4,6- trioxide	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.47.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - (5-Ethyl-2-methyl-2-oxido-1,3,2-dioxaphosphinan-5-yl) methyl methylphosphonate	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.48.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - 3,9-Dimethyl-2,4,8,10-tetraoxa-3,9-diphosphaspiro[5.5] undecane 3,9-dioxide	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.49.10	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Loại khác: / - - - N-(phosphonomethyl) glycine	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.49.20	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Loại khác: / - - - Muối của N-(phosphonomethyl) glycine	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.49.90	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ không halogen hóa: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.51.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ halogen hóa: / - - Methylphosphonic dichloride	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.52.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ halogen hóa: / - - Propylphosphonic dichloride	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.53.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ halogen hóa: / - - O-(3-chloropropyl) O-[4-nitro-3-(trifluoromethyl)phenyl] methylphosphonothionate	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.54.00	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ halogen hóa: / - - Trichlorfon (ISO)	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.59.10	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ halogen hóa: / - - Loại khác: / - - - Ethephon	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.59.90	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Các dẫn xuất phospho - hữu cơ halogen hóa: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.90.41	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Loại khác: / - - Các hợp chất arsen - hữu cơ: / - - - Dạng lỏng	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.90.49	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Loại khác: / - - Các hợp chất arsen - hữu cơ: / - - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2931.90.50	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Loại khác: / - - Dimethyltin dichloride	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2931.90.90	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Loại khác: / - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.